

Số :2802/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **2/28/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	730	1.12%
2	BMP	100	1.73%
3	BVH	290	1.59%
4	CII	730	2.51%
5	CTD	130	2.46%
6	CTG	1.600	2.70%
7	DHG	130	1.38%
8	DPM	670	1.52%
9	FPT	1.580	6.77%
10	GAS	410	2.34%
11	GMD	660	2.10%
12	HAG	1.870	1.40%
13	HNG	830	0.70%
14	HPG	1.990	7.37%
15	HSG	470	2.06%
16	ITA	1.800	0.73%
17	KBC	1.520	2.06%
18	KDC	530	1.81%
19	MBB	3.990	5.18%
20	MSN	1.960	7.40%
21	MWG	360	5.59%
22	NT2	310	0.89%
23	PVD	820	1.71%
24	REE	800	1.98%
25	SBT	600	1.33%
26	SSI	1.340	2.63%
27	STB	5.180	4.98%
28	VCB	1.550	5.45%
29	VIC	2.400	10.15%

30	VNM	820	9.95%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,081,503,700

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,086,099,670

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 4,595,970

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	65,450	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 2/28/2017	Kỳ này/This period 2/27/2017	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	40,800,000	40,800,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,820	10,820	0
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	443,128,665,187	440,030,325,838	3,098,339,349
của một lô ETF/per Creation Unit	1,086,099,670	1,078,505,701	7,593,969
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,860.99	10,785.05	75.94
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	694.35	702.24	-7.89

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO